



TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2022

BÁO CÁO KIỂM SÓAT KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021 VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SÓAT

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua;
- Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 31/3/2021;
- Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán bởi Cty Kiểm Toán AASC,

Thực hiện nhiệm vụ của năm 2021, Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức – Vnsteel báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát và kết quả của hoạt động kiểm tra và giám sát như sau:

I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SÓAT NĂM 2021

1. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát bao gồm 03 thành viên và đã tổ chức 4 cuộc họp trong năm 2021 (bằng hình thức gửi mail). Các Thành viên Ban kiểm soát tham dự đầy đủ các cuộc họp của Ban kiểm soát, đồng thời phân công thành viên tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị.

2. Hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2021

- a. Xem xét đánh giá hoạt động của HĐQT trong suốt niên độ, liên quan đến việc thực hiện kế hoạch năm 2021 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- b. Xem xét việc thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của HĐQT và Ban Điều hành theo đúng Nghị quyết của HĐQT đã đề ra;
- c. Kiểm tra soát xét các báo cáo tài chính hàng quý, năm nhằm đánh giá tính hợp pháp, hợp lý số liệu tài chính của Công ty, qua đó lập các báo cáo của Ban kiểm soát;
- d. Xem xét thực hiện công tác đầu tư, sửa chữa lớn;
- e. Tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị Công ty với tinh thần trách nhiệm, xây dựng và hợp tác.

Được sự phối hợp chặt chẽ giữa Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc cũng như các phòng ban Công ty tạo điều kiện thuận lợi cho Ban kiểm soát trong việc thu nhập thông tin tài liệu và các Nghị quyết, các báo cáo một cách kịp thời, Ban kiểm soát đã hoàn thành nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông giao.

II. THÙ LAO, CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG VÀ CÁC LỢI ÍCH KHÁC CỦA BAN KIỂM SÓAT:

Mức thù lao Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức - Vnsteel chi trả cho BKS trong năm 2021 như sau:

Stt	Họ và tên	Chức danh	Thù lao/tháng (đ)	Thù lao/năm (đ)
01	Đoàn Hồng Hà	TBKS	4.000.000	48.000.000
02	Trần Minh Hạnh	UV.BKS	3.000.000	36.000.000
03	Nguyễn Quốc Cường	UV.BKS	3.000.000	36.000.000

III. KẾT QUẢ CỦA HOẠT ĐỘNG KIỂM TRA VÀ GIÁM SÁT NĂM 2021

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021

(Đơn vị tính: đồng)

Chỉ tiêu	THỰC HIỆN		2021/ 2020	
	2021	2020	+ / -	%
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.336.352.477.943	2.176.907.764.433	159.444.713.510	7,3%
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	12.394.855.493	15.691.458.264	-3.296.602.771	-21%
3. Doanh thu thuần về bán hàng và CCDV	2.323.957.622.450	2.161.216.306.169	162.741.316.281	7,5%
4. Giá vốn hàng bán	2.220.922.864.482	2.079.628.298.290	141.294.566.192	6,8%
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và CCDV	103.034.757.968	81.588.007.879	21.446.750.089	26,3%
6. Doanh thu hoạt động tài chính	1.961.133.245	2.574.234.672	-613.101.427	-23,8%
7. Chi phí tài chính	1.683.524.986	1.004.953.294	678.571.692	67,5%
8. Chi phí bán hàng	11.504.627.774	17.138.906.831	-5.634.279.057	-32,8%
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	36.182.272.253	39.954.113.698	3.771.841.445	9,4%
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD	55.625.466.200	26.064.268.728	29.561.197.472	113,4%
13. Lợi nhuận khác	526.033.960	1.168.606.575	-642.572.615	-55%
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	56.151.500.160	27.232.875.303	28.918.624.857	106,2%
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	11.374.979.075	5.623.442.401	5.751.536.674	102,3%
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN	44.776.521.085	21.609.432.902	23.167.088.183	107,2%

Tình hình sản xuất kinh doanh năm 2021 của Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức - VNSTEEL so với kế hoạch 2021 và cùng kỳ 2020:

Về sản xuất kinh doanh phôi thép: Sản lượng sản xuất đạt 163.297,7 tấn, đạt 93,3% kế hoạch, giảm 21.820 tấn và giảm 11,8% so với cùng kỳ; Tiêu thụ phôi 20.245 tấn, giảm 12.086 tấn và giảm 37,4% so với cùng kỳ.

Về sản xuất kinh doanh thép cán: Sản lượng sản xuất đạt 140.710 tấn, đạt 87,9% kế hoạch, giảm 15.149 tấn và giảm 9,7% so với cùng kỳ; Tiêu thụ đạt 131.366,7 tấn, đạt 82% kế hoạch, giảm 32.904 tấn và giảm 20% so với cùng kỳ; Doanh thu đạt 2.041,4 tỷ đồng, tăng 10% so với cùng kỳ.

Do tình hình dịch bệnh ảnh hưởng sản xuất tiêu thụ giảm nhiều. Trong Quý 1 Cty có kế hoạch sửa chữa lớn thiết bị hút bụi và máy đúc liên tục, máy cắt bầm phân xường luyện.

Quý 3 Công ty ngừng sản xuất từ 15/7 đến 15/8 và từ 15/8 đến 30/9 Công ty tổ chức sản xuất 3 tại chỗ và chỉ sản xuất ca đêm.

Doanh thu bán hàng năm 2021 đạt 2.336,3 tỷ đồng, tăng 159,4 tỷ và tăng 7,3% so với 2020. Doanh thu này chủ yếu đến từ việc tiêu thụ thép cán 2.041,4 tỷ, trong khi sản lượng tiêu thụ thép cán giảm 20% so với cùng kỳ mà doanh thu bán hàng lại tăng do giá bán thép cán bình quân năm 2021 đã tăng 37,5% so với cùng kỳ.

Các khoản giảm trừ doanh thu 12,3 tỷ đồng, giảm 3,2 tỷ và giảm 21% so với cùng kỳ do sản lượng tiêu thụ giảm.

Doanh thu thuần 2.323,9 tỷ đồng, tăng 162,7 tỷ và tăng 7,5%; Giá vốn 2.220,9 tỷ đồng, tăng 141,2 tỷ và tăng 6,8% so với cùng kỳ làm cho lợi nhuận gộp tăng 21,4 tỷ và tăng 26,4%.

Doanh thu hoạt động tài chính 1,9 tỷ đồng giảm 613 triệu và giảm 23,8% so với cùng kỳ. Chi phí tài chính 1,6 tỷ tăng 678,5 triệu và tăng 67,5%, trong đó chi phí lãi vay 1,1 tỷ tăng 47,9% (tăng 378,6 triệu) và lỗ chênh lệch tỷ giá là 439,9 triệu.

Chi phí bán hàng 11,5 tỷ, giảm 5,6 tỷ và giảm 32,9% là chi phí bốc xếp 6,3 tỷ giảm 3,3 tỷ so với cùng kỳ và chi phí thương hiệu chữ V 5,1 tỷ giảm 2,2 tỷ. Chi phí quản lý 36,1 tỷ giảm 3,7 tỷ và giảm 9,4% bởi 3 nguyên nhân chính: Trong năm ảnh hưởng bởi dịch Covid, lao động gián tiếp được giảm thiểu làm việc từ xa nên giảm chi phí nhân công quản lý là 4,2 tỷ đồng và Công ty trích lập khoản dự phòng trợ cấp thôi việc cho lao động lớn tuổi nghỉ việc ảnh hưởng từ công tác di dời nên tăng 7 tỷ đồng và giảm khoản lương dự phòng năm 2021 thấp hơn so với cùng kỳ, dẫn đến chênh lệch phát sinh giảm 7,45 tỷ đồng,...

Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh 55,6 tỷ tăng 29,5 tỷ và tăng 113,4%.

Lợi nhuận khác 526 triệu giảm 642,5 triệu và giảm 55%.

Tổng lợi nhuận trước thuế năm 2021 đạt 56,1 tỷ đồng, đạt 280,7% kế hoạch, tăng 28,9 tỷ và tăng 106,2% so với 2020.

2. Về tình hình tài chính, kế toán của Công ty

Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty được lập đã tuân thủ đúng chế độ kế toán và chuẩn mực kế toán Việt Nam, đã được kiểm toán bởi Cty Kiểm Toán AASC; Thực hiện hạch toán kế toán và lập các báo cáo tài chính hàng quý đầy đủ, rõ ràng đảm bảo tính chính xác, trung thực, hợp pháp.

(Đơn vị tính: đồng)

	TÀI SẢN	31/12/2021	01/01/2021	+ / -	%
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	547.510.996.566	361.838.511.803	185.672.484.763	51,3
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	14.102.510.075	101.785.773.212	(87.683.263.137)	-86,1
1	Tiền	14.102.510.075	1.785.773.212	12.316.736.863	689,7
2	Các khoản tương đương tiền	-	100.000.000.000	(100.000.000.000)	-100,0
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	79.797.719.108	142.815.790.437	(63.018.071.329)	-44,1
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	81.994.170.488	142.084.714.781	(60.090.544.293)	-42,3
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	312.962.800	3.256.048.853	(2.943.086.053)	-90,4
6	Phải thu ngắn hạn khác	341.900.120	326.341.103	15.559.017	4,8
7	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(2.851.314.300)	(2.851.314.300)	-	0,0
IV.	Hàng tồn kho	423.314.080.902	109.134.134.490	314.179.946.412	287,9
1	Hàng tồn kho	423.314.080.902	109.134.134.490	314.179.946.412	287,9

V.	Tài sản ngắn hạn khác	30.296.686.481	8.102.813.664	22.193.872.817	273,9
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	5.846.665.244	6.357.760.260	(511.095.016)	-8,0
2	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	24.450.021.237	1.744.808.892	22.705.212.345	1.301,3
3	Thuế và các khoản khác phải thu NN	-	244.512	(244.512)	-100,0
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	19.995.459.881	30.326.971.504	(10.331.511.623)	-34,1
II.	Tài sản cố định	19.254.751.807	28.756.487.387	(9.501.735.580)	-33,0
1	Tài sản cố định hữu hình	18.961.696.257	28.756.487.387	(9.794.791.130)	-34,1
-	<i>Nguyên giá</i>	<i>310.082.425.212</i>	<i>308.506.704.318</i>	<i>1.575.720.894</i>	<i>0,5</i>
-	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	<i>(291.120.728.955)</i>	<i>(279.750.216.931)</i>	<i>(11.370.512.024)</i>	<i>4,1</i>
3	Tài sản cố định vô hình	293.055.550	-	293.055.550	100,0
-	<i>Nguyên giá</i>	<i>300.000.000</i>	<i>-</i>	<i>300.000.000</i>	<i>100,0</i>
-	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	<i>(6.944.450)</i>	<i>-</i>	<i>(6.944.450)</i>	<i>100,0</i>
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	703.360.018	923.185.721	(219.825.703)	-23,8
2	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	703.360.018	923.185.721	(219.825.703)	-23,8
VI.	Tài sản dài hạn khác	37.348.056	647.298.396	(609.950.340)	-94,2
1	Chi phí trả trước dài hạn	37.348.056	647.298.396	(609.950.340)	-94,2
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	567.506.456.447	392.165.483.307		
	NGUỒN VỐN	31/12/2021	01/01/2021	+ / -	%
C.	NỢ PHẢI TRẢ	270.070.420.920	125.336.575.865	144.733.845.055	115,5
I.	Nợ ngắn hạn	219.022.420.920	74.288.575.865	144.733.845.055	194,8
1	Phải trả người bán ngắn hạn	48.615.409.103	34.059.882.170	14.555.526.933	42,7
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14.080.383	355.764.656	(341.684.273)	-96,0
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1.749.178.782	1.328.927.145	420.251.637	31,6
4	Phải trả người lao động	38.281.157.604	20.466.392.004	17.814.765.600	87
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	9.809.695.332	3.746.386.854	6.063.308.478	161,8
9	Phải trả ngắn hạn khác	925.478.233	1.089.964.603	(164.486.370)	-15,1
10	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	108.376.063.050	-	108.376.063.050	100,0
11	Dự phòng phải trả ngắn hạn	10.550.000.000	12.000.000.000	(1.450.000.000)	-12,1
12	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	701.358.433	1.241.258.433	(539.900.000)	-43,5
II.	Nợ dài hạn	51.048.000.000	51.048.000.000	-	0,0
7	Phải trả dài hạn khác	51.048.000.000	51.048.000.000	-	0,0
D.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	297.436.035.527	266.828.907.442	30.607.128.085	11,5
I.	Vốn chủ sở hữu	297.436.035.527	266.828.907.442	30.607.128.085	11,5
1	Vốn góp của chủ sở hữu	122.253.930.000	122.253.930.000	-	0,0
2	Thặng dư vốn cổ phần	17.708.334.281	17.708.334.281	-	0,0
8	Quỹ đầu tư phát triển	19.752.106.672	19.752.106.672	-	0,0
11	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	137.721.664.574	107.114.536.489	30.607.128.085	28,6
	<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước</i>	<i>92.945.143.489</i>	<i>85.505.103.587</i>	<i>7.440.039.902</i>	<i>8,7</i>
	<i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	<i>44.776.521.085</i>	<i>21.609.432.902</i>	<i>23.167.088.183</i>	<i>107,2</i>
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	567.506.456.447	392.165.483.307		

Nhận xét tình hình tài chính đến thời điểm 31/12/2021:

*** Về tài sản:**

- Tiền và các khoản tương đương tiền đến cuối kỳ là 14,1 tỷ đồng giảm 87,6 tỷ đồng, giảm 86% so với đầu năm, trong đó:

Tiền mặt 399,5 triệu đồng tăng 293 triệu đồng, tăng 275,4%.

Tiền gửi không kỳ hạn 13,7 tỷ đồng tăng 12 tỷ đồng, tăng 716% do cuối ngày 31/12 tiền Chip Mong và Thép Miền Nam mới chuyển về, dùng để trả nợ qua năm.

- Các khoản phải thu ngắn hạn 79,7 tỷ đồng, giảm 63 tỷ đồng, giảm 44%, trong đó:
 - + Các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng giảm 60 tỷ đồng, giảm 42,3% so với đầu kỳ, số tiền những khách hàng còn nợ Công ty đến thời điểm 31/12/2021 là 81,9 tỷ đồng, trong đó:
 - Nợ luân chuyển 79,1 tỷ: Cty TNHH MTV Thép Miền Nam – VNSTEEL (61,1 tỷ), Chip Mong Group Co,Ltd (14,9 tỷ), Cty TNHH DV TM PHÁT TRIỂN Kim Ngân (3 tỷ đồng), nợ này do chưa đến hạn thu.
 - Nợ khó đòi 2,8 tỷ đồng Cty TNHH MTV TMDV VT Lợi My 2.
 - + Trả trước người bán ngắn hạn 312,9 triệu đồng giảm 2,9 tỷ, giảm 90,4%.
 - + Phải thu ngắn hạn khác 341,9 triệu đồng tăng 15,5 triệu, tăng 4,8%.
 - + Đến 31/12/2021 Công ty đã trích lập dự phòng nợ khó đòi 2,8 tỷ đồng.
 - Giá gốc hàng tồn kho đến 31/12/2021 là 423,3 tỷ đồng tăng 314,1 tỷ đồng, tăng 287,9% so với đầu năm, chủ yếu:
 - Thép cán : 12.119,4 tấn (trị giá 196,4 tỷ đồng, tăng 163 tỷ tăng 489,5%).
 - Thép cán hàng gửi bán 90,7 tấn (trị giá 1,3 tỷ tăng 745 triệu, tăng 130,9%)
 - Phôi thép: 4.758,8 tấn (trị giá 71,7 tỷ đồng tăng 69,8 tỷ, tăng 3.654%)
 - Phế liệu: 9.573,3 tấn (trị giá 105,6 tỷ đồng, tăng 52,7 tỷ, tăng 99,7%)
 - Tài sản ngắn hạn khác 30,2 tỷ đồng tăng 22,1 tỷ, tăng 273,9% trong đó:
 - + Chi phí trả trước ngắn hạn 5,8 tỷ đồng giảm 511 triệu, giảm 8%.
 - + Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ 24,4 tỷ đồng tăng 22,7 tỷ đồng tăng 1.301,3% do tiêu thụ thép chậm, hàng tồn kho cao, nên khoản thuế GTGT chưa được khấu trừ vẫn còn tồn đọng.
 - Nguyên giá tài sản cố định tăng 1,8 tỷ đồng: Mua mới máy biến áp 3 pha 2500KVA 740,2 triệu đồng, xe bán tải 687 triệu đồng, màn hình Led, máy tính xách tay 147 triệu đồng và phần mềm quản lý Workit 300 triệu.
 - Chi phí xây dựng cơ bản dở dang quy hoạch dự án Cty CP Thép Thủ Đức 703,3 triệu đồng giảm 219,8 triệu, giảm 23,8%.
 - Chi phí trả trước dài hạn 37,3 triệu đồng giảm 609,9 triệu giảm 94,2% do phân bổ dần giá trị vào chi phí.
- * Về nguồn vốn: Tổng nợ phải trả của Cty đến 31/12/2021 là 270 tỷ đồng tăng 144,7 tỷ, tăng 115,5% so với đầu kỳ, chủ yếu*
- Phải trả người bán ngắn hạn 48,6 tỷ đồng tăng 14,5 tỷ, tăng 42,7%
 - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước 1,7 tỷ tăng 420,2 triệu tăng 31,6%.
 - Phải trả người lao động 38,2 tỷ tăng 17,8 tỷ, tăng 87%.
 - Chi phí phải trả ngắn hạn 9,8 tỷ tăng 6 tỷ, tăng 161,8% trong đó trích trước tiền điện 1,4 tỷ, tiền lãi 54,5 triệu, tiền nước và điện thoại 76,3 triệu, chi phí quản lý 494,4 triệu và quỹ trợ cấp mất việc làm 7,7 tỷ đồng.
 - Phải trả ngắn hạn khác 925,4 triệu giảm 164,4 triệu giảm 15%.

- Vay nợ thuê tài chính 108,3 tỷ đồng tăng 100% do tiêu thụ chậm, dòng tiền thu về từ bán hàng thấp, công ty vay bổ sung vốn lưu động mua vật tư và trả các khoản nợ đến hạn.
- Dự phòng phải trả ngắn hạn 10,5 tỷ đồng giảm 1,4 tỷ, giảm 12,1% so với đầu năm là khoản dự phòng quỹ lương nhằm đảm bảo ổn định tài chính, thu nhập cho CBCNV năm 2022.
- Quỹ khen thưởng phúc lợi 701,3 triệu đồng giảm 539,9 triệu, giảm 43,5%.
- Phải trả dài hạn khác 51 tỷ đồng là tiền hỗ trợ di dời của Cty REFICO 50 tỷ đồng và 1 tỷ là tiền ký quỹ mượn vỏ chai oxy của khách hàng trước đây.

3. Thực hiện kế hoạch chi trả cổ tức năm 2020

- Tỷ lệ chi trả cổ tức 10%
- Cổ tức đã chi trả bằng tiền mặt 12.052.520.450 đồng

4. Công tác sửa chữa lớn tài sản cố định năm 2021

- ❖ Kế hoạch sửa chữa là 13 hạng mục với tổng giá trị trước thuế là 14,4 tỷ đồng, do điều kiện sản xuất không thể ngưng để sửa chữa và do dịch bệnh một số hạng mục không thể triển khai được, đến 31/12/2021 Công ty đã hoàn thành 08 hạng mục với tổng giá trị 6,7 tỷ đồng.

❖ Chi tiết từng hạng mục:

4.1 Sửa chữa Canopy hút bụi, buồng túi vải hút bụi, Kế hoạch phê duyệt 1 tỷ đồng

Thực hiện: Thay canopy, buồng túi vải bị mục nát, rỉ sét

Thực tế giải ngân: 952.380.666 đồng (chưa VAT)

Thời gian thực hiện – kết thúc: Tháng 01/2021

4.2 Sửa chữa cụm cán trung phân xưởng cán, Kế hoạch phê duyệt 1,8 tỷ đồng

Thực hiện: Nâng cao chất lượng sản phẩm, giảm thời gian thay đổi công nghệ.

Thực tế giải ngân: 1.805.712.132 đồng (chưa VAT)

Thời gian thực hiện – kết thúc: Tháng 05 - 07/2021

4.3 Sửa chữa động cơ thô phân xưởng cán, Kế hoạch phê duyệt 700 triệu đồng

Thực hiện: Thay động cơ cũ hỏng không phục hồi sửa chữa được.

Thực tế giải ngân: 700.000.000 đồng (chưa VAT)

Thời gian thực hiện – kết thúc: Tháng 05 - 06/2021

4.4 Sửa chữa trạm biến thế phân xưởng cán, Kế hoạch phê duyệt 1 tỷ đồng

Thực hiện: Thay thế sửa chữa thiết bị điện quá cũ.

Thực tế giải ngân: 795.314.394 đồng (chưa VAT)

Thời gian thực hiện – kết thúc: Tháng 06 - 07/2021

4.5 Sửa chữa máy cắt bằm 1000HW, Kế hoạch phê duyệt 400 triệu đồng

Thực hiện: Đại tu máy (bảo dưỡng, thay thế, sửa chữa các chi tiết hư).

Thực tế giải ngân: 380.847.778 đồng (chưa VAT)

Thời gian thực hiện – kết thúc: Tháng 11 - 12/2021

4.6 Đại tu xe CAT 3, Kế hoạch phê duyệt 150 triệu đồng.

Thực hiện: Đại tu máy, sửa chữa hệ thống thủy lực và điều khiển.

Thực tế giải ngân: 132.300.684 đồng (chưa VAT)

Thời gian thực hiện – kết thúc: Tháng 11 - 12/2021

4.7 Sửa chữa máy nén khí Boge số 1 phân xưởng luyện, Kế hoạch phê duyệt 200 triệu đồng.

Thực hiện: Bảo dưỡng thay thế các chi tiết hư hỏng.

Thực tế giải ngân: 183.480.000 đồng (chưa VAT)

Thời gian thực hiện – kết thúc: Tháng 11 - 12/2021

4.8 Sửa chữa panel và nắp lò EBT phân xưởng luyện, Kế hoạch phê duyệt 400 triệu đồng.

Thực hiện: Thay thế các hạng mục đã bị hư hỏng nặng

Thực tế giải ngân: 399.340.679 đồng (chưa VAT)

Thời gian thực hiện – kết thúc: Tháng 11 - 12/2021

4.9 Sửa chữa lợp mái các xưởng, Kế hoạch phê duyệt 900 triệu đồng.

Thực hiện: Thay các tôn mái bị hư hỏng, mục nát.

Thực tế giải ngân: 1.058.689.286 đồng (chưa VAT)

Thời gian thực hiện – kết thúc: Tháng 01 - 12/2021

4.10 Sửa chữa hệ thống thu gom nước mưa bãi liệ, Kế hoạch phê duyệt 350 triệu đồng.

Thực hiện: Thu gom chất thải, nước bãi liệ.

Thực tế giải ngân: 327.748.534 đồng (chưa VAT)

Thời gian thực hiện – kết thúc: Tháng 03/2021

4.11 Sửa chữa hệ thống thoát nước, Kế hoạch phê duyệt 100 triệu đồng.

Thực hiện: Thông, nạo vét chống ngập.

Thực tế giải ngân: 62.508.005 đồng (chưa VAT)

Thời gian thực hiện – kết thúc: Tháng 01 - 10/2021

5. Công tác đầu tư năm 2021

Kế hoạch đầu tư năm 2021 có 02 hạng mục, tổng mức đầu tư dự kiến phê duyệt 1,7 tỷ đồng là xe bán tải 800 triệu đồng và máy biến thế 2500 KVA 22/0,4KV (hạng mục bổ sung) 900 triệu đồng, chi tiết hạng mục:

5.1 Xe bán tải, kế hoạch phê duyệt đầu tư 800 triệu đồng:

- Mục đích: Phục vụ chở CBCNV đi công tác và mua sắm vật tư trong thành phố.
- Bắt đầu thực hiện và đưa vào sử dụng: Tháng 04/2021
- Thực hiện giải ngân: 757 triệu đồng (VAT).

5.2 Máy biến thế 2500 KVA 22/0,4KV, kế hoạch phê duyệt đầu tư 900 triệu đồng:

- Mục đích: Đầu tư mới cấp nguồn cho 3 động cơ hút bụi.
- Bắt đầu thực hiện: Tháng 04/2021

- Đưa vào sử dụng tháng 18/10/2021.
- Đã giải ngân: 814 triệu đồng (VAT).
- Hiệu quả khi đưa vào sử dụng: Thay thế 2 biến thế 1000KVA dùng cho động cơ hút bụi, các biến thế cũ phải thí nghiệm nhiều lần và khi khởi động động cơ thường bị quá tải. Do đó thay biến thế 2.500 KVA nhằm ổn định thiết bị, tránh sự cố trong quá trình sản xuất.

6. Công tác đầu tư di dời của Công ty

Để có cơ sở lựa chọn địa điểm di dời, trong năm 2021 Cty CP Thép Thủ Đức đã khảo sát nhiều nơi Khu Kinh tế Định An, Khu Công nghiệp Đôn Xuân, Khu Công nghiệp Lữ nghiệp Anh tỉnh Trà Vinh (vào tháng 8/2021). Trong quý 4/2021 Công ty đã khảo sát Khu công nghiệp cầu cảng Phước Đông huyện Cần Đức tỉnh Long An và cũng đã có báo cáo gửi Tổng Cty Thép Việt Nam – CTCP chờ xin ý kiến chỉ đạo.

7. Đánh giá về hoạt động của Hội đồng Quản trị trong năm 2021

- Năm 2021, Hội đồng Quản trị đã tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, triển khai và thực hiện tốt Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- Trong năm, HĐQT duy trì đầy đủ các phiên họp định kỳ; những vấn đề cần thiết phải thảo luận, biểu quyết trong cuộc họp đều được ghi thành biên bản và lưu trữ đầy đủ theo đúng quy định tại Công ty; các vấn đề được HĐQT thông qua trong cuộc họp đều được ban hành bằng Nghị quyết;
- Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT được ban hành kịp thời để thông qua các vấn đề chính như: Thông qua kế hoạch SXKD; Công tác đầu tư; Công tác bổ nhiệm cán bộ..., cơ bản các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Điều hành đã thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ được giao;
- Đã chi trả cổ tức vào tháng 5 cho cổ đông theo đúng tỷ lệ đã công bố tại Đại hội cổ đông.
- Triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 do Đại hội đồng cổ đông đề ra.

8. Đánh giá về hoạt động của Ban Tổng Giám Đốc trong năm 2021

Ban Điều hành đã triển khai tốt các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị. công tác tiết giảm tối đa các chi phí đã đem lại lợi nhuận cao hoàn thành vượt mức kế hoạch đề ra.

Ban Điều hành đã làm tốt công tác phòng chống dịch tại công ty, duy trì sản xuất ổn định, đảm bảo thu nhập cho CBCNV Cty trong năm 2021.

9. Kiến nghị:

Tình hình dịch bệnh đã làm ảnh hưởng mạnh đến nền kinh tế trong nước, việc sản xuất kinh doanh thép cũng gặp rất nhiều khó khăn, giá vật tư nguyên liệu, giá thép biến động liên tục; tiêu thụ sản phẩm thép cán chậm. Đến 31/12/2021 giá trị tồn kho của Công ty đã tăng 287,9% so với đầu năm, Cty cần cân trọng trong kế hoạch tồn kho nguyên vật liệu cũng như thép thành phẩm.

IV. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ VỀ GIAO DỊCH:

1. Giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp và những người có liên quan của đối tượng đó:
Không có
2. Giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch:
Không có

V. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BAN KIỂM SOÁT VỚI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC CỔ ĐÔNG.

- Ban kiểm soát thường xuyên có những trao đổi với HĐQT và Ban điều hành qua các hình thức như: trao đổi trực tiếp, văn bản và thư điện tử.
- Ban kiểm soát cũng thường xuyên cử đại diện tham gia các cuộc họp của các bộ phận nhằm nâng cao chất lượng cũng như tính độc lập của hoạt động kiểm soát. Trong các cuộc họp này, BKS đã đưa ra những ý kiến đóng góp trong phạm vi chức năng, quyền hạn của mình
- HĐQT, Ban điều hành cũng như các đơn vị phòng ban trong Công ty đã phối hợp và tạo điều kiện để BKS có thể thực hiện các chức năng, nhiệm vụ theo quy định. Các báo cáo, hồ sơ chứng từ đều được cung cấp đầy đủ đến BKS khi có yêu cầu.

VI. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2022

Thực hiện công việc kiểm tra, giám sát theo chức năng, nhiệm vụ qui định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát thường xuyên các hoạt động của Công ty thông qua các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT và Ban Điều hành Công ty.

Thực hiện công tác thẩm định các báo cáo về tài chính, về tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2022.

Kiểm tra, giám sát thực hiện công tác đầu tư, di dời Công ty.

Phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban điều hành và cổ đông trên tinh thần hợp tác để mang lại hiệu quả cao.

Báo cáo này đã được tất cả thành viên Ban kiểm soát thông qua, kính trình Đại Hội đồng cổ đông.

TM. BAN KIỂM SOÁT
Trưởng Ban



Đoàn Hồng Hà